TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3738/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;

2. Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 795/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4897/2023/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5585/QĐHPT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T (Theo Giấy ủy quyền số 610/2023/UQ-TGĐ ngày 28/3/2023).

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Kim N**

Địa chỉ: H đường N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 16/3/2017 bà N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 111.868.687 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 120.889.811 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 31/3/2023, bà N còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc 17.859.999 đồng

- Lãi quá hạn 7.058.272 đồng

Tổng cộng : 24.918.271 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười tám ngàn, hai trăm bảy mươi mốt) đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N thanh toán nợ gốc và nợ quá hạn tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 24.918.271 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười tám ngàn, hai trăm bảy mươi mốt) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai của mình phía Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 28.888.549 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 17.859.999 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 11.028.550 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Kim N nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thể hiện địa chỉ của bà Nguyễn Thị Kim N, địa chỉ: Số H đường N, phường T, Thành phố T. Theo kết quả xác minh của Công an phường T cho biết: *"Bà N không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và thực tế cư trú tại Số H đường N, phường T, Thành phố T"*. Theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: *"địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở"*, do đó xác định địa chỉ số H đường N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của

bà N. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện Ngân hàng cho biết bà N vay tiền Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân, đồng thời Ngân hàng cũng chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà N trả nợ nên xét thấy không cần thiết phải đưa chồng bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành tống đạt cho bà Nguyễn Thị Kim N cụ thể như sau:

- Ngày 24/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho bà N Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ ngày 11/7/2023 đề làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 17/7/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho bà N Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ ngày 04/8/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải nhưng phía bà N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 12/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho bà N Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4897/2023/QĐXXST ngày 07/8/2023 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ 00 phút ngày 28/8/2023 để tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 31/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho bà N Quyết định hoãn phiên tòa số 5585/2023/QĐ-DSST ngày 28/8/2023 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 10 giờ 00 phút ngày 18/9/2023 để tham gia phiên tòa nhưng bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N trả tổng số tiền nợ là 28.888.549 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà N phải trả tiền nợ gốc là 17.859.999 đồng như sau:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa bà N và Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 111.868.687 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 120.889.811 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày xét xử bà N còn nợ gốc là 17.859.999 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, bà N đã được tống đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, đối chất và hòa giải về số tiền nêu trên nhưng bà N không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét tài liệu do phía Ngân hàng cung cấp. Như vậy Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán nợ gốc là 17.859.999 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi: Lãi suất trong hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa bà N và Ngân hàng TMCP S của Ngân hàng là 2,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, được công bố và áp dụng tại thời điểm điều chỉnh khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của S1 là đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 01/6/2022 nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/9/2023 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 11.028.550 đồng. Do đó, số tiền lãi mà S1 yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 19/9/2023 nếu bà N không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 342, 343, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1)

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng cộng số tiền tính đến ngày 18/9/2023 là 28.888.549 (Hai mươi tám triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 17.859.999 (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 11.028.550 (Mười một triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày 19/9/2023 nếu bà N không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.444.427 *(Một triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm hai mươi bảy)* đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S (S1) là 622.957 đồng (Sáu trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2023/0003276 ngày 10 tháng 5 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng S (S1) và ông Vũ Hải H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hải Yến

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hải Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hải Y